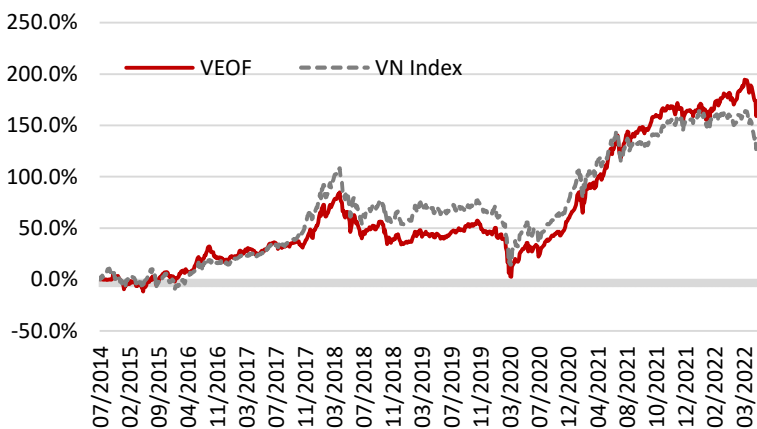


VEOF Chiến lược đầu tư

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động, lựa chọn những cổ phiếu có kỳ vọng sinh lời cao thông qua quá trình nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng.

Quỹ đầu tư tập trung chủ yếu vào cổ phiếu niêm yết của các công ty có vốn hóa lớn và vừa, các công ty đầu ngành hoặc có lợi thế cạnh tranh khác biệt, có nhiều tiềm năng tăng trưởng và đang được định giá thấp.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VEOF

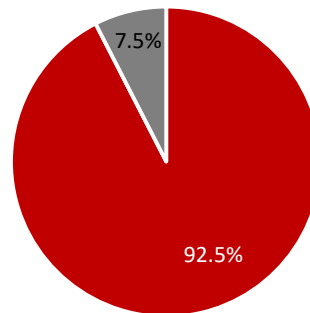
| | VEOF | VN-Index |
|--|----------|----------|
| Tổng tài sản (tỷ VNĐ) | 992.4 | |
| Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ) | 27,129.5 | |
| Lợi nhuận tháng 04/2022 (%) | (6.0) | (8.4) |
| Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%) | 2.1 | (8.8) |
| Lợi nhuận trung bình 3 năm (%) | 23.4 | 11.7 |
| Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%) | 13.6 | 11.6 |
| Lợi nhuận từ ngày thành lập (%) | 171.3 | 136.4 |

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

| | |
|------------------------------|---|
| Ngày thành lập | 1/7/2014 |
| Phí quản lý | 1.75%/năm |
| Phí phát hành | 0% |
| Phí mua lại | 2.0% < 12 tháng 1.5% >= 12 tháng 0.5% >= 24 tháng |
| Mức đầu tư tối thiểu | 2.000.000 VNĐ / ~90USD |
| Ngân hàng Giám sát và Lưu ký | Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam |
| Công ty kiểm toán | PwC Việt Nam |
| Tần suất giao dịch | Hàng ngày, Từ thứ Hai đến thứ Sáu |
| Chỉ số tham chiếu | VN-Index |

Chỉ số danh mục cổ phiếu

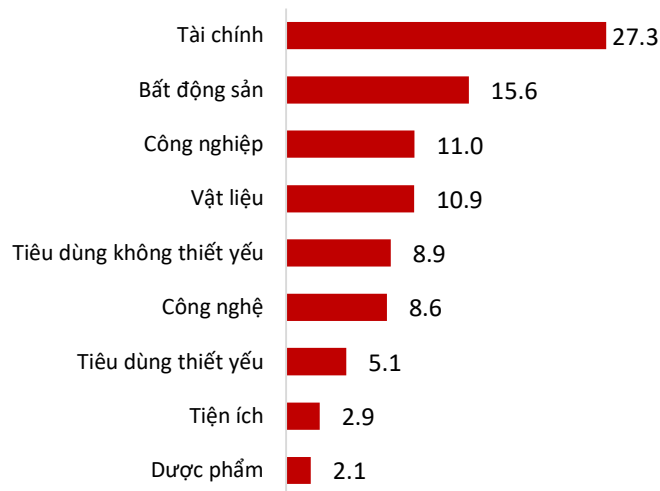
| | VEOF | VN-Index |
|------------------------|------|----------|
| Chỉ số P/E (x) (*) | 13.9 | 14.9 |
| Chỉ số P/B (x) (*) | 3.0 | 2.3 |
| Chỉ số ROE (%) (*) | 21.7 | 15.8 |
| Tỷ suất cổ tức (%) | 1.7 | 1.2 |
| Vòng quay danh mục (%) | 22.7 | |
| Hệ số Sharpe | 0.4 | 0.3 |
| Số lượng cổ phiếu | 36 | 408 |

(*) Số liệu 12 tháng gần nhất

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

| Cổ phiếu | Ngành | % Giá trị tài sản ròng |
|----------|---------------------------|------------------------|
| FPT | Công nghệ | 8.6 |
| MBB | Tài chính | 6.7 |
| MWG | Tiêu dùng không thiết yếu | 5.9 |
| VCB | Tài chính | 5.7 |
| VPB | Tài chính | 4.7 |
| VRE | Bất động sản | 3.7 |
| TCB | Tài chính | 3.7 |
| CTG | Tài chính | 3.1 |
| HPG | Vật liệu | 2.9 |
| VHC | Tiêu dùng thiết yếu | 2.9 |

Cập nhật thị trường và quỹ VEOF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam giảm 8,4% trong tháng 4 trước một loạt các thông tin về việc Cục dự trữ liên bang Mỹ Fed tăng lãi suất, tình hình chiến sự giữa Nga và Ukraina, việc điều tra các vi phạm trên thị trường chứng khoán và chính sách zero-COVID của Trung Quốc. Tính từ đầu năm, chỉ số VN Index đã giảm 8,8%.

Thị trường chứng khoán thế giới cũng biến động mạnh. Chỉ số MSCI World Index và S&P 500 giảm 8,1% và 8,8% trong tháng 4.

Tâm lý thị trường trong nước khá thận trọng. Giá trị giao dịch trung bình trên cả ba sàn giảm xuống còn 26,3 nghìn tỷ đồng/phiên trong tháng 4, thấp hơn 19% so với tháng 3 và là mức thấp nhất trong 9 tháng gần nhất. Điểm tích cực là nhà đầu tư nước ngoài trở lại mua ròng trong tháng 4 sau 8 tháng liên tiếp bán ròng với giá trị mua ròng 4.019 tỷ đồng, tính trên cả 3 sàn.

Một điểm tích cực nữa là kết quả kinh doanh quý 1 của các doanh nghiệp niêm yết. Theo báo cáo tài chính quý 1 đã được công bố, tổng lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE tăng 30% so với cùng kỳ năm trước.

Nền kinh tế tiếp tục phục hồi nhanh trong tháng 4. Chỉ số sản xuất công nghiệp và tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong tháng 4 tăng 9,4% và 12,1% so với cùng kỳ năm trước, đưa mức tăng trưởng trong 4 tháng đầu năm lên 7,5% và 6,5%. Xuất khẩu và nhập khẩu tăng 16,4% và 15,7% trong 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước, đạt 122,4 tỷ USD và 119,8 tỷ USD, mang lại thặng dư thương mại 2,5 tỷ USD. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) vẫn ở mức 51,7 trong tháng 4, tuy nhiên các doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh và thời gian giao hàng của nhà cung cấp bị kéo dài do tình hình COVID-19 tại Trung Quốc và cuộc chiến tại Ukraina.

CẬP NHẬT QUỸ VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

Giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ của VEOF giảm 6,0% trong tháng 4, ít hơn 2,4% so với mức giảm của VN Index. Tính từ đầu năm, VEOF tăng 2,1%, trong khi VN Index giảm 8,8%.

Trong số 10 cổ phiếu lớn nhất của danh mục quỹ VEOF, 7/10 cổ phiếu giảm ít hơn thị trường chung trong tháng 4. Hầu hết các doanh nghiệp mà quỹ đầu tư đều đạt mức tăng trưởng lợi nhuận cao trong quý 1. FPT, cổ phiếu lớn nhất trong danh mục của VEOF, ghi nhận lợi nhuận ròng 1.239 tỷ đồng trong quý 1, tăng trưởng 37% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ tăng trưởng của mảng phần mềm. VHC gây bất ngờ với lợi nhuận ròng đạt 548 tỷ đồng trong quý 1, tăng 318% so với cùng kỳ năm trước, nhờ nhu cầu tiêu thụ cá tra tăng cao ở Mỹ.

Với ngành ngân hàng, ngoại trừ CTG có lợi nhuận giảm 28% so với Q1/2021 (nhưng tăng 60% so với Q4/2021) do nền lợi nhuận cao của năm ngoái, tất cả các ngân hàng đều đạt kết quả kinh doanh tích cực trong quý 1. Đáng chú ý, lợi nhuận của VPB tăng 171% so với cùng kỳ, đạt 8.672 tỷ đồng, chủ yếu nhờ vào khoản phí trả trước cho hợp đồng phân phối bảo hiểm cho AIA. Các ngân hàng VCB, TCB, MBB cũng đạt tăng trưởng lợi nhuận trong quý 1 từ 15% đến 28%.

Việc thị trường chứng khoán giảm trong tháng 4 đã đưa nhiều cổ phiếu về mức định giá hấp dẫn cho đầu tư dài hạn. Tại thời điểm cuối tháng 4, chỉ số VN Index đang được giao dịch ở mức P/E 2022 là 13 lần, thấp hơn hẳn so với trung bình 5 năm gần nhất (15,9 lần), trong khi tổng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết được dự báo sẽ tăng trưởng 20% trong năm 2022. Chúng tôi cho rằng thời điểm hiện tại rất phù hợp cho các nhà đầu tư dài hạn gia tăng tỷ trọng nắm giữ cổ phiếu.

Lợi nhuận hằng tháng

| | T1 | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 | LN từ đầu năm |
|------|-------|-------|--------|-------|-------|-------|-------|-------|------|------|-------|-------|---------------|
| 2020 | -2.8% | -2.3% | -26.2% | 15.1% | 10.3% | -2.4% | -2.1% | 10.9% | 3.2% | 0.4% | 10.1% | 7.7% | 16.1% |
| 2021 | -0.1% | 11.8% | 0.5% | 5.6% | 11.6% | 5.1% | -1.8% | 3.0% | 3.2% | 8.3% | -0.1% | -0.3% | 56.5% |
| 2022 | 0.0% | 5.1% | 3.3% | -6.0% | | | | | | | | | 2.1% |

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga găm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.